

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 19/2019/HS-ST

Ngày: 23 - 4 - 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lại Đức Lợi

- Bà Phùng Thị Thanh Mai

- Bà Nguyễn Thị Thêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lê Bình Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo Đinh Trọng H sinh ngày 23/10/1991 tại: T, Nam S, Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn G, xã T, huyện Nam S, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Trọng G1 và bà Hoàng Thị N1; có vợ là chị Lương Thị D, sinh năm 1990 (chết ngày 31/8/2018) và 01 con là cháu Đinh Trọng Đ sinh năm 2012; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Tạm giữ từ ngày 03/9/2018 đến ngày 05/9/2018 chuyển tạm giam (có mặt).

Người bào chữa của bị cáo: Ông Phạm Hữu L – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình bào chữa cho bị cáo Đinh Trọng H.

2. Bị hại: Chị Lương Thị D sinh năm 1990 (chết ngày 31/8/2018).

Người đại diện hợp pháp của chị Lương Thị D:

+ Ông Lương Văn T1 sinh năm 1964 (bố đẻ chị D, có mặt).

+ Bà Trần Thị S sinh năm 1968 (mẹ đẻ chị D, có mặt).

Đều trú tại: thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Châu Đình Trọng Đ sinh năm 2012 (con trai chị Lương Thị D và bị cáo Đình Trọng H).

Người giám hộ của cháu Đ\:

+ Ông Lương Văn T1 sinh năm 1964 (ông ngoại cháu Đ).

+ Bà Trần Thị S sinh năm 1968 (bà ngoại cháu Đ).

Đều trú tại: thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình.

3.2. Ông Đình Trọng G1 sinh năm 1970; trú tại: thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. (có mặt)

3.3. Bà Trịnh Thị Đ1 sinh năm 1958; trú tại: thị trấn D, huyện T5, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

3.4. Anh Bùi Đức T6 sinh năm 1982; trú tại: phường T7, quận B, Hà Nội (vắng mặt).

3.5. Ông Mai Xuân P sinh năm 1967; trú tại: xã X, huyện X1, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

3.6. Anh Mai Đình Đức T8 sinh năm 1999; trú tại: xã X, huyện X1, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

4. *Người làm chứng:*

4.1. Anh Lương Huy H1 sinh năm 1994; trú tại: thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình (có mặt).

4.2. Ông Tô Văn L1 sinh năm 1957; trú tại: thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình (có mặt).

4.3. Anh Lương Văn M sinh năm 1971; trú tại: thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4.4. Chị Nguyễn Thị L2 sinh năm 1987; trú tại: thôn T9, xã V, huyện T4, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4.5. Anh Đặng Văn D1 sinh năm 1986; trú tại: thôn H2, xã V, huyện T4, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

4.6. Anh Phạm Huy H3 sinh năm 1985; trú tại: thôn P, xã P1, huyện T4, tỉnh Thái Bình (có mặt).

4.7 Chị Đình Thị N2 sinh năm 1991; trú tại: thôn G, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

4.8 - Anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1986; trú tại: thôn G, xã A, huyện T10, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đình Trọng H kết hôn cùng chị Lương Thị D từ năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng H mở một xưởng may nhỏ tại gia đình nhưng bị thua lỗ.

Do sợ bị mọi người đòi nợ nên từ tháng 6/2018, Đinh Trọng H bỏ nhà sang xã V, huyện T4, tỉnh Thái Bình thuê nhà ở một mình và đi làm công nhân tại Công ty TNHH may H4, địa chỉ: xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình. Sau đó, chị Lương Thị D gửi con là cháu Đinh Trọng Đ cho bố mẹ đẻ là ông Lương Văn T1 và bà Trần Thị S ở thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình nhờ ông bà nuôi dưỡng để chị lên Hà Nội làm ăn, từ đó chị D cắt đứt liên lạc với H, không cho H biết địa chỉ. H đã nhiều lần đi tìm chị D nhưng không được.

Chiều ngày 31/8/2018, H đoán chị D được nghỉ lễ 02/9 sẽ về nhà bố mẹ đẻ để thăm con nên H gọi điện thoại cho chị D nhiều lần nhưng chị D không nghe máy.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, H đi xe máy đến nhà ông T1 để tìm gặp chị D. Khi đến nơi, H để xe máy ở sân đi vào phòng ăn của gia đình thì thấy D đang sắp cơm. H muốn gặp chị D nói chuyện nhưng chị D có ý né tránh. Sau đó, chị D cùng ông T1, bà S, anh Lương Huy H1 (em trai D) và cháu Đ ngồi ăn cơm tại phòng ăn, H không ăn cơm cùng mà đi ra sân, lấy con dao tự chế để sẵn trong xe máy, dắt vào cạp quần rồi đi lên nhà và ngồi ở chỗ bàn học của cháu Đ.

Sau khi ăn cơm xong, mọi người đi lên nhà trên, chỉ còn chị D trong phòng ăn, H đi xuống phòng ăn ngồi nói chuyện cùng chị D. H năn nỉ chị D tha thứ cho H, để cho H quay về làm lại từ đầu nhưng chị D không đồng ý và nói muốn bỏ H vì H chơi bời, nợ nần.

Trước thái độ kiên quyết của chị D, H nghĩ rằng phải giết chết chị D để chị D không lấy được ai nữa, H lập tức dùng tay phải rút 01 con dao kích thước dài 22,8cm, bản rộng 1,2cm, mũi nhọn giấu ở trong cạp quần ra dí dao vào cổ chị D, tay trái H bịt mồm chị D, đẩy chị D đi vào trong phòng tắm rồi cài chốt trong cửa nhà tắm lại; chị D kêu lên, H liền cầm dao cứa vào cổ chị D, rồi tiếp tục dùng dao đâm nhiều nhát vào ngực chị D theo hướng từ ngoài vào trong, khi chị D khụy xuống, H lại tiếp tục dùng dao đâm vào sườn và lưng chị D theo hướng từ trên xuống dưới. Khi nghe thấy cháu Đ nói là bố mẹ cãi nhau, ông T1 chạy xuống phòng ăn thì không thấy chị D và H mà thấy cửa nhà tắm đóng, có tiếng chị D kêu ứ ớ, ông T1 đẩy cửa nhà tắm không được, đoán là H đánh chị D. Ông T1 gọi bà S, anh H1. Bà S và anh H1 chạy xuống, cùng ông T1 đập bung cửa nhà tắm ra thì cả ba người đều nhìn thấy H ở trong tư thế người cúi lom khom trên tay cầm dao dính máu, chị D nằm trên nền nhà tắm, máu chảy ra nhiều. H cầm dao chạy ra ngoài, ông T1 và anh H1 túm tay H giữ lại nhưng H vung dao lên nhưng không trúng ai, anh H1 và ông T1 bỏ tay H ra, anh H1 dùng ghế ngồi ăn cơm loại ghế inox đập vào người H, H giơ tay đỡ rồi bỏ chạy, ông T1 tri hô và đuổi theo H khoảng 100 mét nhưng không đuổi kịp, ông T1 quay về cùng anh H1 và mọi người đưa chị D đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Tiền Hải nhưng bác sĩ xác định chị D đã tử vong trước khi vào viện.

Sau khi gây án H chạy ra nghĩa trang gần đó để trốn, sau đó H vào nhà vệ sinh của Công ty may H4, địa chỉ: xã T3, huyện T4 (nơi H làm) để ẩn nấp, H đã điện thoại cho anh Phạm Huy H3 là anh rể họ của chị D, chị Đinh Thị N2 là em gái H và anh Nguyễn Văn Q là bạn H thông báo đã giết vợ là Lương Thị D. Khoảng 21

giờ ngày 02/9/2018, H giấu con dao dùng đâm chị D vào khe tường khu nhà vệ sinh và cởi chiếc áo dính máu để ở nhà vệ sinh của Công ty rồi vào vào phòng bảo vệ của Công ty lấy trộm 01 ba lô, 01 bộ quần áo, 01 đèn pin. H thay áo rồi trèo tường bỏ trốn, đến địa phận xã A1, huyện T4 thì bị Công an huyện Tiền Hải bắt giữ theo lệnh truy nã.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 124/PY/PC54 ngày 02/9/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: Lương Thị D bị đa vết thương phần mềm vùng cằm, cổ, ngực, lưng, vai trái và tay trái do vật sắc nhọn gây nên làm thủng nhiều vị trí ở hai phổi, trong đó có vết ở ngực trái xuyên thấu phổi trái và động mạch phổi. Nguyên nhân chết: Nạn nhân chết do mất máu cấp.

Cáo trạng số 07/CT-VKSTB ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố Đinh Trọng H về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Trọng H phạm tội “Giết người”.

1) Về trách nhiệm hình sự: đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 39, Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Trọng H hình phạt tù chung thân.

2) Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 06 phong bì mẫu máu niêm phong; 01 phong bì niêm phong mẫu máu của tử thi Lương Thị D; 01 áo phông; 01 phong bì mẫu tóc của H; 01 mẫu niêm mạc của H; 01 con dao của H do cơ quan giám định hoàn trả mẫu vật sau giám định.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin; 01 khẩu trang kẻ caro màu đỏ; 01 khẩu trang kẻ caro nhiều màu; 01 khăn tắm màu xanh dương; 01 kính râm gọng màu trắng mắt màu vàng; 01 kính râm gọng màu trắng mắt màu đen; 01 ba lô màu đen; 01 giày da màu nâu; 01 xe mô tô; 01 dao phay; 04 ghế Inox; 01 kính râm, 01 khăn tắm, 01 ba lô, 01 đôi giày da.

- Trả cho Đinh Trọng H 324.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i; 01 củ sạc và dây sạc điện thoại; 01 (một) dây lưng giả da; 01 quần đùi; 01 quần đùi cặp chun màu xám; 01 áo sơ mi dài tay kẻ caro đỏ đen; 01 quần bò màu đen; 01 áo phông ngắn tay hiệu Aristino; 01 giấy phép lái xe; 01 sổ bảo hiểm xã hội; 01 thẻ Vietcombank; 01 đôi giày nhãn hiệu PS01044447.

3) Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584, Điều 591 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Đinh Trọng H phải bồi thường cho ông T1 và bà S khoản tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng chị Lương Thị D là 58.150.000 đồng, ông Đinh Trọng G1 – bố đẻ bị cáo đã tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng, nay buộc bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 38.150.000 đồng.

4) Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo ý kiến:

- Về tội danh: Viện kiểm sát truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội để trông nom, chăm sóc con.

- Về trách nhiệm dân sự và các vấn đề khác: Luật sư không có ý kiến gì.

Đôi đáp của Kiểm sát viên: Tại phần xét hỏi, ông Đinh Trọng G1 – bố đẻ bị cáo đã khai, việc ông G1 bồi thường cho gia đình bị hại là tự nguyện, bị cáo không có tác động gì nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “tự nguyện bồi thường” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã gây ra cái chết cho bị hại là đặc biệt nghiêm trọng, vi phạm đạo đức, gây tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự - an toàn xã hội, cần phải áp dụng hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo mới phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đôi đáp.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi bố mẹ đẻ và những người thân thích của chị D, bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình, chăm lo cho cháu Đ, bị cáo nhờ bố mẹ chị D trông nom, nuôi dưỡng cháu Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Đinh Trọng H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, lời khai của những người làm chứng; ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau:

- Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 21 giờ 30 phút ngày 21/8/2018, sơ đồ và bản ảnh hiện trường (BL số 46-50).

- Biên bản Khám nghiệm tử thi, bản ảnh tử thi Lương Thị D do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình lập hồi 19 giờ 10 phút ngày 31/8/2018 thể hiện: Vùng giữa dưới xương hàm dưới có vết đứt da, mép sắc gọn đo 2x0,3cm; vùng cổ bên phải có vết đứt da sâu hết lớp trung bì dài 5,5cm; Vùng giữa cổ, cách hõm ức 3cm có vết thủng da và tổ chức dưới da, mép sắc gọn, đầu bên trái tù, bên phải nhọn đo 3,5x0,5cm; khi khép mép da vết thương dài 3,7cm; Vùng cổ bên trái sát vai có vết thủng da và tổ chức dưới da hình chữ V quay xuống dưới, cạnh trên bên phải dài 3,5cm, cạnh dưới dài 1,7cm; Ngực bên phải, sát dưới đầu trong xương đòn có vết thủng da và tổ chức dưới da, đầu trái tù, bên phải nhọn đo 2,2x0,4cm; khi khép mép da vết thương dài 2,4cm; Mặt trên vai trái có vết thủng da đo 1x1cm; Mặt trước trên vai trái có vết thủng da và tổ chức dưới da, đầu bên phải tù, đầu bên trái nhọn đo 2x1cm; Ngực bên trái tương ứng xương sườn số 2 có vết thủng da và tổ chức dưới da đo 2x0,8cm; đầu bên trái tù, bên phải nhọn. Cách vết này sang trái 1,5cm có vết thủng da đo 1x0,3cm; Mỏm vai trái có vết thủng da và tổ chức dưới da hướng từ trên xuống dưới, đầu trên tù, đầu dưới nhọn vết đo 2,5x0,8cm; Phía sau mỏm vai trái có vết thủng da đo 1,5x0,5cm; Mặt sau cơ Delta bên trái có 2 vết thương, vết trên đo 2x0,7cm, vết dưới đo 1,5x0,8cm; Vùng sau vai trái cách hõm nách 5cm có 3 vết thủng da, mỗi vết đo 1,5x0,7cm; Mặt sau vai trái cách mặt trên vai 2,5cm có vết thủng da đo 0,7x0,3cm. Trên giữa xương bả vai trái có vết thủng da đo 1,2x0,7cm; Lưng bên trái tương ứng sát dưới xương bả vai có 02 vết thương, trong đó: một vết dọc hướng từ trên xuống dưới đo 1,5x0,7cm, một vết nằm ngang đo 1,5x0,7cm; Vùng trước ngoài cơ Delta bên trái có vết thủng da hướng từ trên xuống dưới đo 1,5x0,5cm; 1/3 trên mặt trước trong cánh tay trái cách hõm nách 3cm có vết thủng da đo 1,2x0,5cm; 1/3 giữa mặt trước ngoài cánh tay trái có vết thủng da và tổ chức dưới da đo 4x2cm; 1/3 trên mặt sau ngoài cẳng tay trái có vết thủng da đo 1,1x0,3cm. Mổ tử thi mở da cơ vùng ngực thấy tụ máu cơ ngực bên trái, thủng cơ liên sườn 2, 3 bên trái dài 3,5cm. Có 02 vết thủng cơ liên sườn 3, 4, một vết thủng cơ liên sườn 4, 5; Trong lồng ngực có nhiều máu đông và máu không đông; Có 03 vết thủng thùy trên phổi trái trong đó vết lớn nhất dài 1,5cm, vết này xuyên thấu vào động mạch phổi; 04 vết thủng thùy dưới phổi trái dài: 1,2cm, 0,9cm, 0,5cm và 0,3cm; Hai phổi nhợt nhạt, tụ máu xung quanh động mạch phổi (BL số 58-59).

- Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 124/PY/PC54 ngày 02/9/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thái Bình (BL số 61-62).

- Bản kết luận giám định số 4931/C09(TT3) ngày 19/10/2018 của Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an (BL số 64-65).

- Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể Đinh Trọng H lập hồi 05 giờ 30 phút ngày 03/9/2018 (BL số 29).

- Biên bản ghi lời khai những người làm chứng: Ông Lương Văn T1 (BL số 174-179), cháu Đinh Trọng Đ sinh năm 2012 (BL số 194-195); cháu Tô Đức T11

sinh năm 2005 (BL số 196-197); ông Tô Văn L1, sinh năm 1957 (BL số 225-226); ông Lương Văn M sinh năm 1971 (BL số 223-224); chị Nguyễn Thị L2, anh Đặng Văn D1 (BL số 214-220); anh Phạm Huy H3 (BL số 198-200); chị Đinh Thị N2 (BL số 207-211); Nguyễn Văn Q (BL số 201-203) xác định nhận được điện thoại do H gọi nội dung thông báo đã giết chị D.

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận: Khoảng hơn 18 giờ ngày 31/8/2018 tại gian phòng tắm nhà ông Lương Văn T1 sinh năm 1964, ở thôn T2, xã T3, huyện T4, tỉnh Thái Bình, do mâu thuẫn vợ chồng, bị cáo Đinh Trọng H đã dùng dao kim loại sắc nhọn kích thước dài 22,8cm, phần lưỡi dao dài 12cm bản rộng nhất 1,2cm cứa vào cổ và đâm liên tiếp nhiều nhát ngực, sườn và lưng chị Lương Thị D. Hậu quả: chị D chết do vết thương ở ngực trái xuyên thấu phổi trái vào động mạch phổi, chết do mất máu cấp.

[4] Hành vi của bị cáo Đinh Trọng H đã phạm tội “Giết người” với tình tiết định khung quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Tội Giết người quy định tại Điều 123 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết 02 người trở lên;*
- b) Giết người dưới 16 tuổi;*
- c) Giết phụ nữ mà biết là có thai;*
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;*
- đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;*
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;*
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;*
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;*
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;*
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;*
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;*
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;*
- n) Có tính chất côn đồ;*
- o) Có tổ chức;*
- p) Tái phạm nguy hiểm;*
- q) Vi động cơ đê hèn.*

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.”

[6] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chỉ vì mâu thuẫn vợ chồng, bị cáo đã dùng dao nhọn giết chết vợ mình một cách dã man. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm, xâm phạm đến tính mạng của người khác, vi phạm nghiêm trọng đạo đức xã hội, gây đau thương mất mát vô hạn cho người thân của bị hại nhất là đối với cháu Đinh Trọng Đ, ông Lương Văn T1 và bà Trần Thị S. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ra tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, năm 2009, bị Toà án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xử phạt 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; việc ông Đinh Trọng G1 bố đẻ bị cáo đã tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại bằng tài sản của ông G1, được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[8] Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù không thời hạn, có như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Về trách nhiệm dân sự: ông Lương Văn T1 và bà S yêu cầu bị cáo Đinh Trọng H phải bồi thường chi phí cho việc mai táng là 58.150.000 đồng, không yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần, không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Đinh Trọng Đ. Bị cáo đồng ý với mức bồi thường do ông T1, bà S đặt ra. Ông Đinh Trọng G1 bố bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho ông T1, bà S 20.000.000 đồng, ông G1 không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này nên được đối trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường. Bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 38.150.000 đồng là phù hợp với quy định của Điều 58 Bộ luật hình sự và Điều 591 Bộ luật dân sự.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, vật chứng của vụ án được xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu huỷ những đồ vật sau:
 - + 01 dao nhọn dài 22,8cm, bản rộng 1,2cm của bị cáo H được niêm phong trong phong bì - là công cụ mà bị cáo dùng vào việc phạm tội;
 - + 01 xe gắn máy màu đen nhãn hiệu Loncin số máy LC 152RMH021 19816, khung xe tự chế bằng kim loại, 01 dây lưng giả da, 01 quần đùi cạp chun màu xám, 01 áo sơ mi dài tay kẻ caro đỏ đen, 01 quần bò màu đen, 01 khẩu trang kẻ caro màu

đỏ, 01 khẩu trang kẻ caro nhiều màu, 01 kính râm gọng màu trắng mắt màu vàng, 01 áo phông ngắn tay cổ tròn bề màu trắng có hoa văn và in chữ Gucci màu đen, 01 chiếc giày da màu nâu, 01 đôi giày nhả hiệu PS 01044447 được niêm phong trong phong bì - là tài sản của bị cáo H nhưng không còn giá trị sử dụng;

+ 01 giày da màu nâu; 01 mẫu tóc của H được niêm phong trong phong bì; 06 mẫu máu được niêm phong trong phong bì; 01 mẫu niêm mạc của H được niêm phong trong phong bì; 01 mẫu máu thu của tử thi Lương Thị D được niêm phong trong phong bì.

- Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhả hiệu Samsung Galaxy S6 màu xanh; 01 điện thoại di động nhả hiệu Nokia 110i số IMEI 356411/01/093166/4; 01 củ sạc Samsung và dây sạc điện thoại màu trắng; 01 Giấy phép lái xe số AY09654B; 01 Sổ bảo hiểm xã hội số 3013031856; 01 thẻ Vietcombank số 9704366 09802920 011 và số tiền 324.000 đồng.

- Trả cho ông Lương Văn T1 04 chiếc ghế inox là tài sản của gia đình ông T1 và 01 điện thoại di động nhả hiệu Iphone mặt sau có số IMEI 352091074628663 là tài sản của chị D.

- Đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác (do bị cáo trộm cắp trong khi ẩn nấp) gồm: 01 quần đùi, 01 áo phông ngắn tay hiệu Aristino của anh Bùi Đức T6; 01 đèn pin vỏ nhựa màu tím của ông Mai Xuân P; 01 balo màu đen, 01 kính râm gọng màu trắng mắt màu đen của anh Mai Đình Đức T8; 01 khăn tắm màu xanh dương của bà Trịnh Thị Đ1; anh T8, ông P và bà Đ1 không yêu cầu trả lại tài sản nên cần tịch thu thiêu huỷ do những người này không yêu cầu nhận lại tài sản.

Hiện nay vật chứng đang được quản lý tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Trọng H phạm tội “Giết người”.
2. Hình phạt: Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 39; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đinh Trọng H tù chung thân.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 591 Bộ luật dân sự;

Bị cáo Đinh Trọng H phải bồi thường cho ông Lương Văn T1 và bà Trần Thị S chi phí hợp lý cho việc mai táng là 58.150.000 đồng. Đối trừ vào số tiền 20.000.000 đồng ông Đinh Trọng G1 đã bồi thường cho ông T1, bà S; bị cáo Đinh Trọng H còn phải bồi thường cho ông T1, bà S 38.150.000 đồng.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ 01 dao nhọn dài 22,8cm, bản rộng 1,2cm (được niêm phong trong phong bì), 01 xe gắn máy màu đen nhãn hiệu Loncin số máy LC 152RMH021 19816, khung xe tự chế bằng kim loại, 01 dây lưng giả da, 01 quần đùi cạp chun màu xám, 01 áo sơ mi dài tay kẻ caro đỏ đen, 01 quần bò màu đen, 01 khẩu trang kẻ caro màu đỏ, 01 khẩu trang kẻ caro nhiều màu, 01 kính râm gọng màu trắng mắt màu vàng, 01 áo phông ngắn tay cổ tròn bề màu trắng có hoa văn và in chữ Gucci màu đen, 01 chiếc giày da màu nâu, 01 đôi giày nhãn hiệu PS 01044447 (được niêm phong trong phong bì) của bị cáo H, 01 giày da màu nâu; 01 mẫu tóc của bị cáo H (được niêm phong trong phong bì); 06 mẫu máu (được niêm phong trong phong bì), 01 mẫu niêm mạc của H (được niêm phong trong phong bì); 01 mẫu máu thu của tử thi Lương Thị D (được niêm phong trong phong bì); 01 quần đùi, 01 áo phông ngắn tay hiệu Aristino của anh Bùi Đức T6; 01 đèn pin vỏ nhựa màu tím của ông Mai Xuân P; 01 balo màu đen; 01 kính râm gọng màu trắng mắt màu đen của anh Mai Đình Đức T8; 01 khăn tắm màu xanh dương của bà Trịnh Thị Đ1.

- Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S6 màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i số IMEI 356411/01/093166/4; 01 củ sạc Samsung và dây sạc điện thoại màu trắng; 01 Giấy phép lái xe số AY09654B; 01 Sổ bảo hiểm xã hội số 3013031856; 01 thẻ Vietcombank số 9704366 09802920 011 và số tiền 324.000 đồng.

- Trả cho ông Lương Văn T1 04 chiếc ghế inox và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone mặt sau có số IMEI 352091074628663.

(Vật chứng được quản lý theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 28/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Đinh Trọng H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Đinh Trọng H phải chịu 1.907.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đinh Trọng H, ông T1, bà S, ông G1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/4/2019. Anh T6, ông P, anh T8 và bà Đ1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người giám hộ của người có Q&NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh